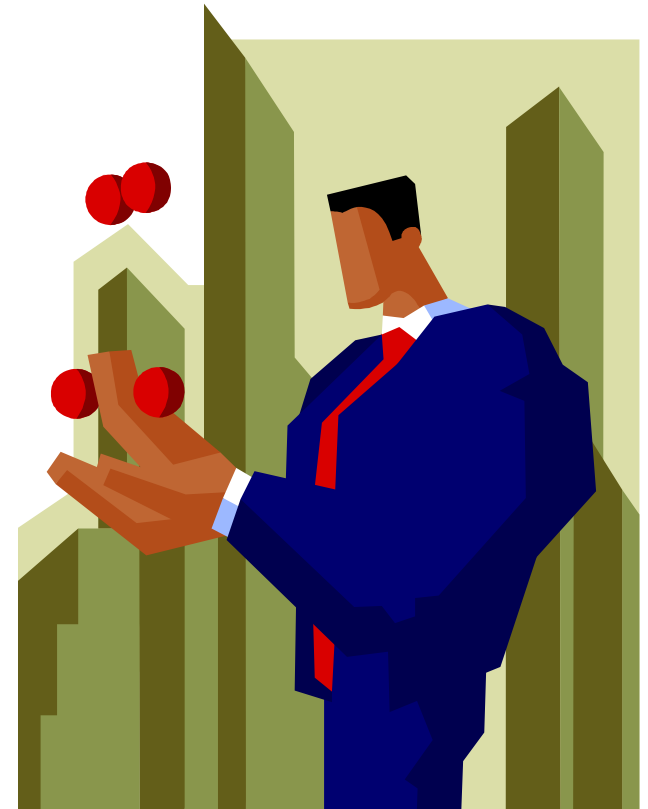


CHƯƠNG 2

CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH



MỤC TIÊU

- ★ **Tìm hiểu bản chất của chi phí và giá thành**
- ★ **Phân biệt chi phí và giá thành**
- ★ **Phân loại chi phí và giá thành và ý nghĩa từng loại**

NỘI DUNG CHÍNH

★ Khái niệm

- Chi phí
- Giá thành

★ Phân loại

- Chi phí
- Giá thành

CHI PHÍ

★ Là những phí tổn thực tế phát sinh gắn liền với hoạt động của doanh nghiệp để đạt được một loại sản phẩm, dịch vụ nhất định → phát sinh cho một SP, dịch vụ hoặc do một hoạt động nào đó tạo ra



là những nguồn lực (tài nguyên, vật chất, lao động...) mà doanh nghiệp phải hy sinh hoặc phải bỏ ra để đạt được những mục tiêu cụ thể

CHI PHÍ

KTTC

Chi phí

KTQT

GIÁ THÀNH

Biểu hiện bằng tiền toàn bộ hao mòn về lao động sống, lao động vật hóa tính cho một đại lượng, kết quả, SP hoàn thành.

Giá thành là kết quả của việc tích lũy chi phí

Chỉ tính cho những công việc đã hoàn thành
(hoàn thành?- sx nhiều quy trình)

SO SÁNH CHI PHÍ – GIÁ THÀNH

	Chi phí (CP)	Giá thành sản phẩm (GTSP)
Giống nhau	Về mặt bản chất: đều biểu hiện bằng tiền những hao phí về lao động sống, lao động vật hóa phát sinh trong quá trình sản xuất	
Khác nhau:		
Về mặt giá trị	không xác định cho một SP cụ thể nào, đã hoàn thành hay chưa	xác định một đại lượng kết quả hoàn thành nhất định
	<p>Xét trong một kỳ thì:</p> $GTSP = CPSXDD \text{ đầu kỳ} + CP \text{ PS trong kỳ} - CPSXDD \text{ cuối kỳ}$	
Đối tượng tập hợp	là phạm vi, giới hạn mà những chi phí cần thiết phải được tập hợp theo giới hạn đó	là đại lượng, kết quả, SP hoàn thành cần thiết phải được tính giá thành & giá thành đơn vị
	<p>--> Một đối tượng tập hợp CP có thể liên quan 1/ nhiều đối tượng tính giá thành. Ví dụ??</p> <p>Nhiều đối tượng tập hợp CP có thể liên quan đến nhiều đối tượng tính giá thành. Ví dụ??</p>	

PHÂN LOẠI CHI PHÍ

- Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động
- Phân loại chi phí theo mối quan hệ với BCTC
- Phân loại chi phí theo mức độ hoạt động
- Các cách phân loại khác

THEO CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG

- ★ Chi phí NVL trực tiếp
- ★ Chi phí NC trực tiếp
- ★ Chi phí sản xuất chung

CHI PHÍ NVL TRỰC TIẾP

Gồm các NVL
và các bộ
phận thiết yếu
để cấu thành
nên thành
phẩm cuối
cùng

Được tập hợp
trực tiếp và dễ
dàng vào
từng sản
phẩm

Nếu những NVL không được tập hợp trực tiếp vào sản phẩm, những NVL đó sẽ được coi là **gián tiếp** và được tính vào chi phí sản xuất chung.

CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP

Tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất.

Giờ công lao
động trực
tiếp × Hệ số
lương

Những công nhân
đang trực tiếp sản
xuất sản phẩm

CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP

Tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất.

Chi phí của những công nhân không trực tiếp sản xuất sản phẩm được coi là chi phí gián tiếp và được tính vào chi phí sản xuất chung.

Những công nhân đang trực tiếp sản xuất sản phẩm.

CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Tất cả các chi phí sản xuất mà không phải là chi phí NVL trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp

Bao gồm:

- CF NVL gián tiếp.
- CF nhân công gián tiếp.
- CF cho máy móc thiết bị.
- CF khác

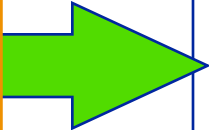


CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Tất cả các chi phí sản xuất mà không phải là chi phí NVL trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp

Bao gồm:

- CF NVL gián tiếp.
- CF nhân công gián tiếp.
- CF cho máy móc thiết bị.
- CF khác



Không bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

**CF SX 1 đơn vị sản phẩm
bao gồm:**

- CF NVL trực tiếp
- CF NC trực tiếp
- CF SX chung



CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

**CF SX 1 đơn vị sản phẩm
bao gồm:**

- CF NVL trực tiếp
- CF NC trực tiếp
- **CF SX chung**

**Chi phí sản xuất chung
phải được phân bổ cho
từng đơn vị sản phẩm
thông qua
hệ số phân bổ đã được
xác định trước.
(Sẽ được nghiên cứu kỹ
hơn ở chương sau.)**

THEO MQH VỚI CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BCTC

- ★ Chi phí sản phẩm (product cost)
- ★ Chi phí thời kỳ (period cost)

CHI PHÍ SẢN PHẨM

Chi phí sản phẩm
là những chi phí
được xác định cho
những hàng hóa
được mua hoặc
được sản xuất cho
mục đích bán

Chi phí sản phẩm
được ghi nhận là
chi phí (GVHB)
tại thời điểm sản
phẩm hoặc dịch
vụ được tiêu thụ

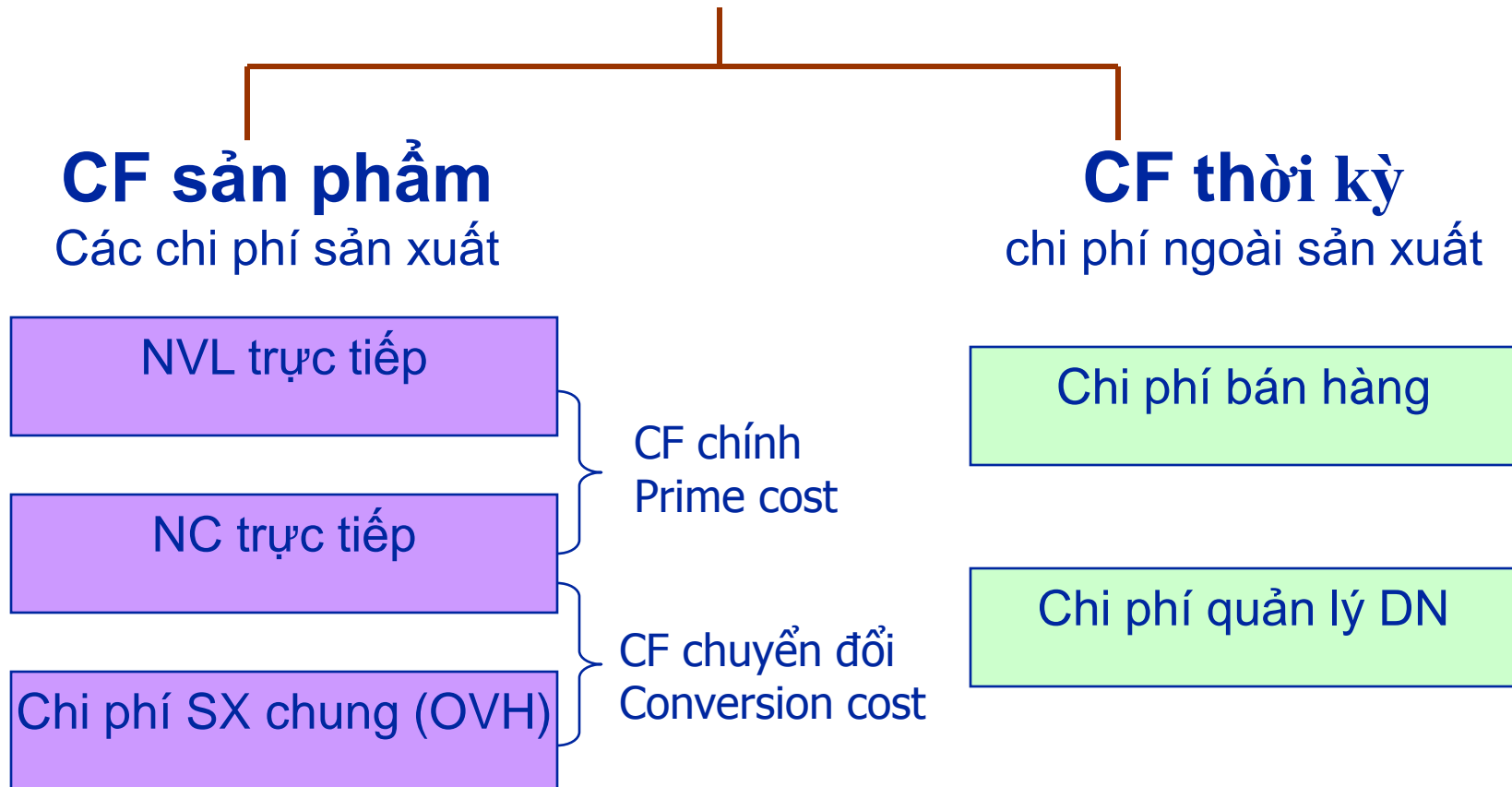
CHI PHÍ THỜI KỲ

Chi phí thời kỳ là những chi phí không bao gồm trong giá trị hàng tồn kho của kỳ đó

- Được ghi nhận vào chi phí khi nó phát sinh
- Được xác định cho một kỳ cụ thể hơn là cho sản phẩm đem bán

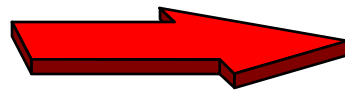
CHI PHÍ SẢN PHẨM & CHI PHÍ THỜI KỲ

Tất cả chi phí



CHI PHÍ SẢN PHẨM & CHI PHÍ THỜI KỲ

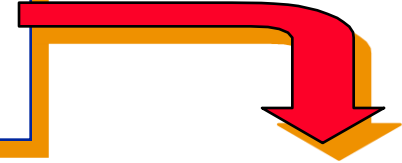
CF sản phẩm
(chi phí sản xuất)



khi phát
sinh

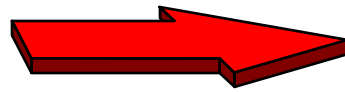
Bảng cân đối kế toán

**Tài sản lưu động
và HTK**



**Khi bán
hàng hóa**

CF thời kỳ (chi
phí hoạt động và
thuế thu nhập.)



khi phát
sinh

**Báo cáo kết quả
kinh doanh**

**Doanh thu
GV hàng bán
Lãi gộp
Chi phí
Thu nhập thuần.**



VD VỀ DÒNG CHI PHÍ

Đầu kỳ công ty xe đạp Thống nhất còn 50,000
Nguyên vật liệu ở trong kho.

Trong kỳ công ty mua
180,000 và tồn kho cuối kỳ là 30,000.

Số NVL đã sử dụng là bao nhiêu?

$$50,000 + 180,000 - 30,000 = 200,000$$

VD VỀ DÒNG CHI PHÍ

CF nhân công trực tiếp trong kỳ là 105,500.

CFSX chung trong kỳ là 194,500.

Tổng CFSX phát sinh trong kỳ là bao nhiêu?

CF NVL trực tiếp	200,000
CF nhân công trực tiếp	105,500
CFSX chung	<u>194,500</u>
Tổng CFSX	\$500,000

VD VỀ DÒNG CHI PHÍ

Giả sử CFSX dở dang đầu kỳ là 30,000,
và cuối kỳ là 35,000.

Giá trị thành phẩm trong kỳ là bao nhiêu?

CFSX dở dang đầu kỳ	30,000
Tổng CFSX	500,000
CFSX dở dang cuối kỳ	35,000
Thành phẩm	495,000

VD VỀ DÒNG CHI PHÍ

Giả sử giá trị thành phẩm tồn kho đầu kỳ là 10,000 và cuối kỳ là 15,000

Trị giá vốn hàng bán là bao nhiêu?

Thành phẩm tồn kho đầu kỳ	10,000
Trị giá vốn hàng bán	495,000
Thành phẩm tồn kho cuối kỳ	<u>15,000</u>
Cost of goods sold	490,000

VD VỀ DÒNG CHI PHÍ

	CFSX dở dang	
SDĐK	30,000	495,000
NVL sử dụng	200,000	
CF NCTT	105,500	
CFSX chung	<u>194,500</u>	
SDCK	35,000	

VD VỀ DÒNG CHI PHÍ

CF SX dở dang

495,000

Thành phẩm²

10,000

490,000

495,000

15,000

Giá vốn hàng bán

490,000

DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

BẢNG CĐKT

CF tồn kho



BC KQKD



Khi bán
SP

Trừ



Bảng lãi gộp
Trừ



Bảng lãi thuần

DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

Bảng CĐKT

BC KQKD

CF tồn kho

Mua hàng

Hàng hóa

Khi bán

Trừ

Doanh thu

**Giá vốn
hàng bán**

Bảng lãi gộp

Trừ

CF thời kỳ

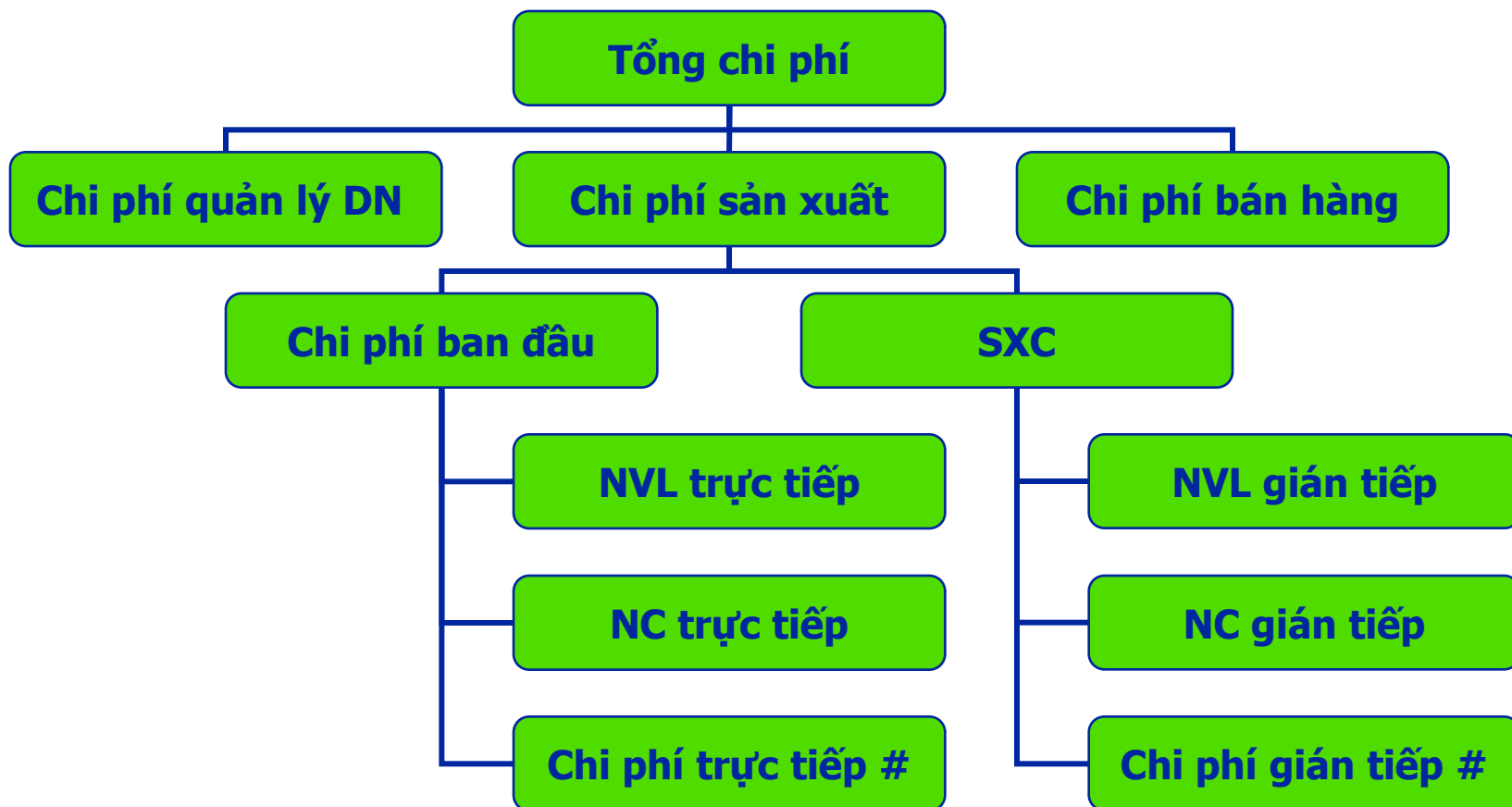
Lãi thuần

VÍ DỤ

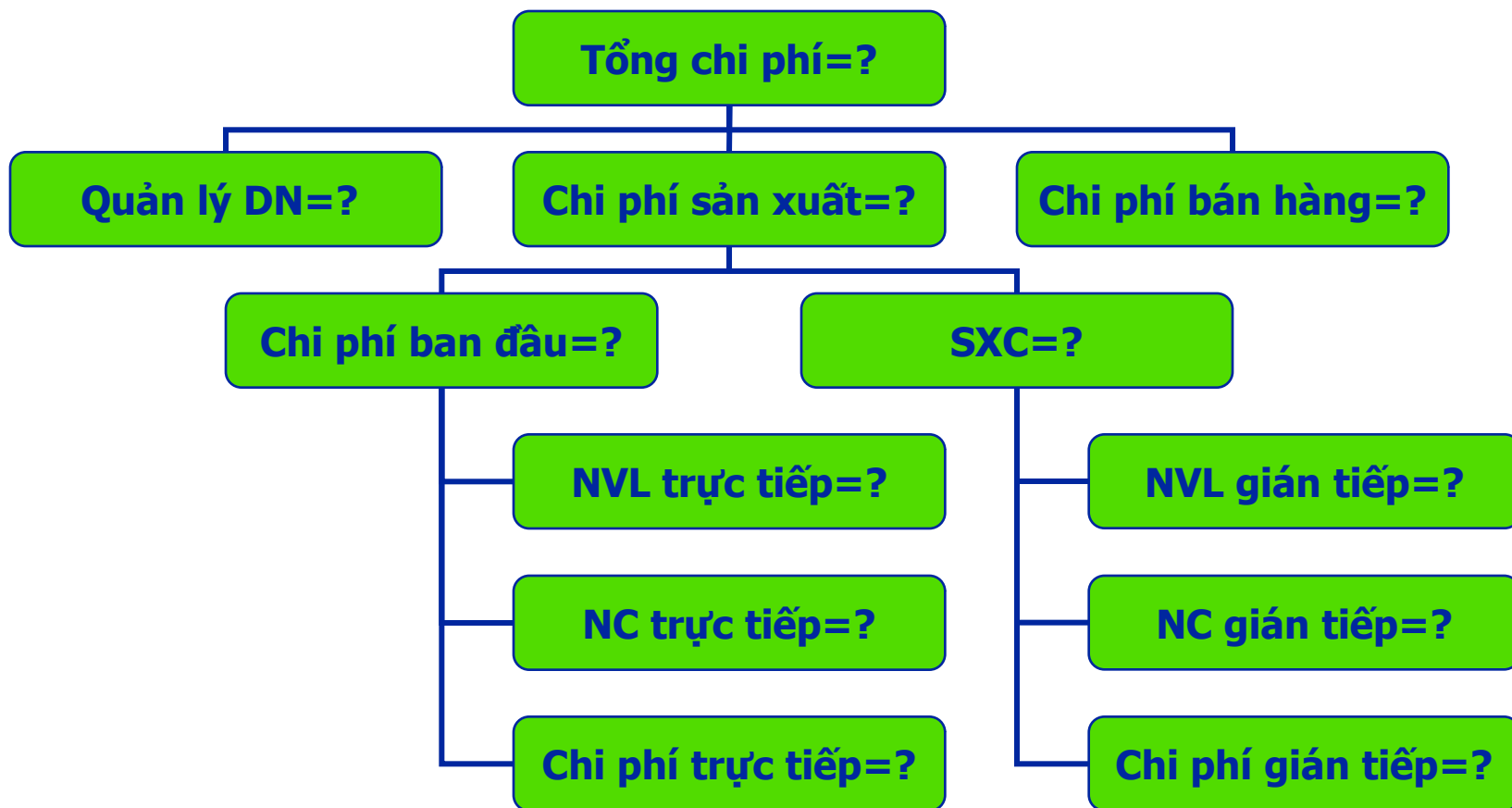
- Trong quá trình sản xuất xe đạp, một công ty có những chi phí sau: lốp xe, lương trả cho công nhân lắp lốp vào vành bánh xe, khấu hao nhà xưởng, ốc lắp vào vành, đĩa (cắm) xe đạp, lương của các quản đốc nhà máy, tay lái, lương cho nhân viên bảo dưỡng.

Hãy phân loại những chi phí này theo nhóm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, hoặc chi phí sản xuất chung

XÂY DỰNG CHI PHÍ



VÍ DỤ 1-



THEO MỨC ĐỘ HOẠT ĐỘNG

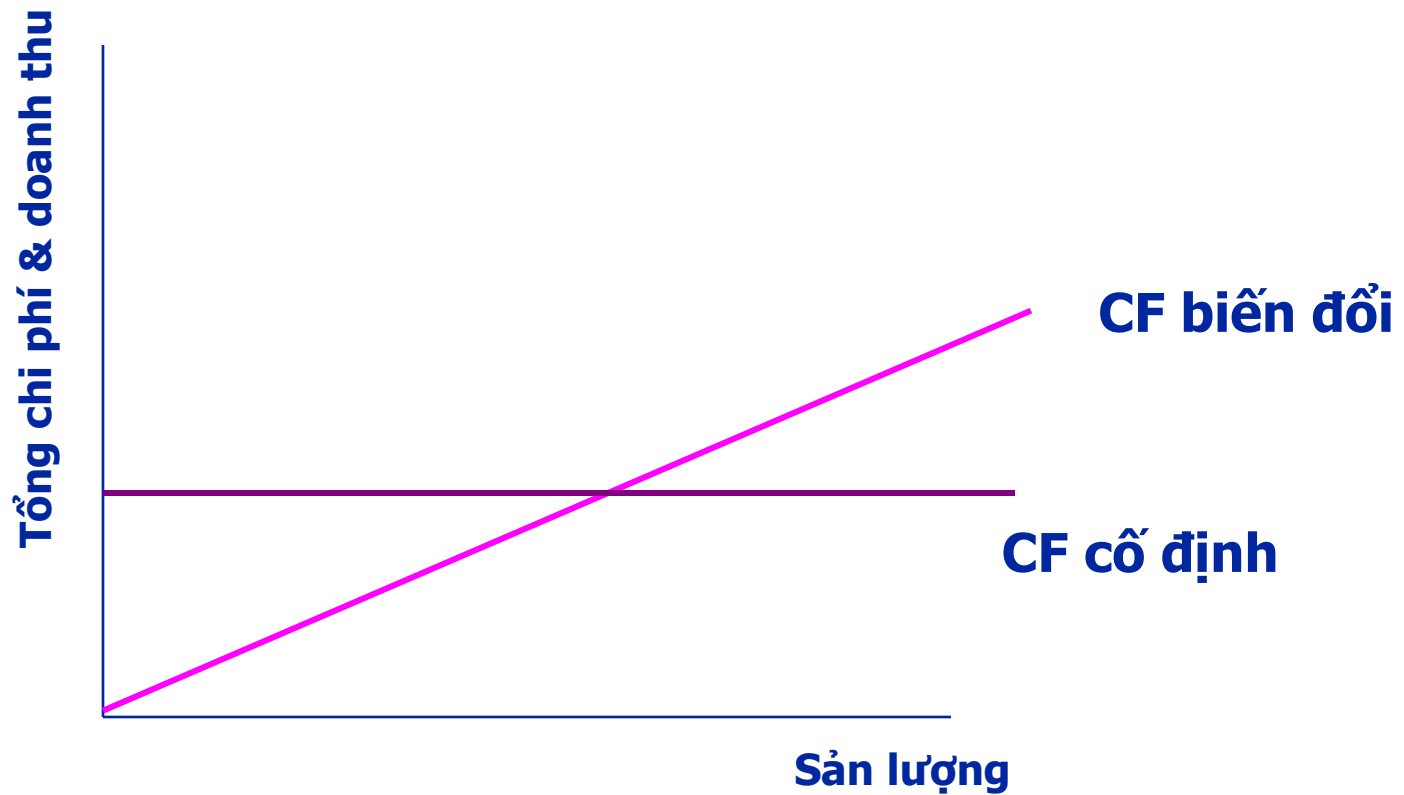
- ★ **Biến phí (variable cost)**
- ★ **Định phí (fixed cost)**

THEO MỨC ĐỘ HOẠT ĐỘNG

Bảng tổng hợp chi phí biến đổi và chi phí cố định

Chi phí	Tổng	Trên một đơn vị
Biến phí	Tổng CP biến đổi sẽ thay đổi tỷ lệ theo mức độ hoạt động	CP biến đổi/ 1 đơn vị SP sẽ không đổi trong một phạm vi hoạt động rộng.
Định phí	Tổng chi phí cố định sẽ không thay đổi ngay cả khi mức độ hoạt động thay đổi	CP cố định/ 1 đơn vị SP sẽ giảm khi mức độ hoạt động tăng

THEO MỨC ĐỘ HOẠT ĐỘNG



CÁC CÁCH PHÂN LOẠI KHÁC

- ★ Chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được
- ★ Chi phí chênh lệch và chi phí cận biên
- ★ Chi phí chìm
- ★ Chi phí cơ hội

CF KIỂM SOÁT ĐƯỢC & CF KHÔNG KIỂM SOÁT ĐƯỢC

★ **Chi phí kiểm soát được (controllable cost):** Là chi phí mà nhà quản trị xác định được chính xác mức phát sinh của nó trong kỳ, và có quyền quyết định về sự phát sinh của nó

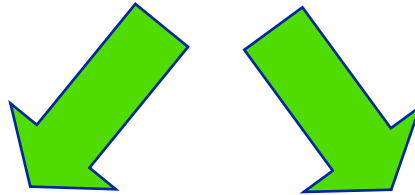
Ví dụ:

★ **Chi phí không kiểm soát được (uncontrollable cost):** Là chi phí mà nhà quản trị không thể dự đoán chính xác mức phát sinh của nó trong kỳ cũng như không có thẩm quyền quyết định sự phát sinh của nó

Ví dụ:

CF KIỂM SOÁT ĐƯỢC & CF KHÔNG KIỂM SOÁT ĐƯỢC

Tiêu chí phân biệt:



**Đặc điểm, nguồn gốc
phát sinh chi phí**

**Sự phân cấp quản
lý**

★ Ý nghĩa

CHI PHÍ CHÊNH LỆCH & CHI PHÍ CẬN BIÊN

★ **Chi phí và doanh thu chênh lệch (differential costs)** là sự khác biệt giữa các CF và thu nhập của các khoản mục tương ứng giữa các phương án SX kinh doanh đang được xem xét.

★ **Chi phí cận biên (marginal costs):** là CF tăng thêm cho việc SX thêm một đơn vị sản lượng.

= Lượng tăng của tổng chi phí
Lượng tăng của sản lượng

$$MC = \frac{\Delta TC}{\Delta Q}$$

CHI PHÍ CHÊNH LỆCH & CHI PHÍ CẬN BIÊN

★ Ví dụ:

★ Ý nghĩa:

- Giúp so sánh khi lựa chọn các phương án kinh doanh
- Giúp nhà quản trị thấy được sự khác biệt chi phí, lợi ích trong các phương án tốt hơn

CHI PHÍ CHÌM (sunk costs)

Là những chi phí

- Đã phát sinh
- Luôn tồn tại trong các quyết định hoặc phương án sản xuất kinh doanh khác nhau



Chi phí chìm # Định phí

Ý nghĩa:

- Lựa chọn phương án kinh doanh
- Giảm bớt thông tin, tính phức tạp

CHI PHÍ CƠ HỘI (Opportunity Costs)

Là **nguồn thu nhập tiềm tàng** bị mất hay phải hy sinh khi lựa chọn một P/A SXKD khác

Không **xuất hiện** trên các tài liệu
Chi phí ở phạm vi của kế toán tài chính

Ý nghĩa:



PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH

- Căn cứ vào phạm vi chi phí trong giá thành
- Căn cứ vào thời điểm và cơ sở số liệu tính giá thành

CĂN CỨ VÀO CF TÍNH VÀO GIÁ THÀNH

- ★ **Giá thành sản xuất toàn bộ**
- ★ **Giá thành sản xuất theo biến phí**
- ★ **Giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ**
- ★ **Giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ theo biến phí**

GIÁ THÀNH SẢN XUẤT TOÀN BỘ

Là Zsp bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết
tính cho đại lượng, sản phẩm hoàn thành

Công thức tính
$$Z_{sx}(tb) = CF_{NVLtt} + CF_{NCtt} + CF_{SXC}$$

Ý nghĩa:

GIÁ THÀNH SẢN XUẤT THEO BIẾN PHÍ

Là Zsp trong đó chỉ bao gồm biến phí sản xuất
Tính cho đại lượng, sản phẩm hoàn thành

Công thức tính
$$Z_{sx}(bf) = CF_{NVLtt} + CF_{NCtt} + CF_{SXCbđ}$$

Ý nghĩa:

GIÁ THÀNH TOÀN BỘ SP TIÊU THỤ

Bao gồm giá thành sản xuất toàn bộ và
chi phí thời kỳ

Công thức tính:
 $Z_{tbsptt} = Z_{sxtb} + CF \text{ thời kỳ (?)}$

Ý nghĩa:

GT TOÀN BỘ SP TIÊU THỤ THEO BIẾN PHÍ

Bao gồm giá thành sản xuất theo biến phí và chi phí thời kỳ biến đổi tính cho khối lượng SP hoàn thành

Công thức tính:
 $Z_{tbsptt}(bf) = Z_{sx}(bf) + CF \text{ thời kỳ (biến phí)}$

Ý nghĩa:

CĂN CỨ VÀO THỜI ĐIỂM VÀ CƠ SỞ SỐ LIỆU TÍNH GIÁ THÀNH

- ★ **Giá thành kế hoạch**
- ★ **Giá thành định mức**
- ★ **Giá thành thực tế**

GIÁ THÀNH KẾ HOẠCH

```
graph TD; A[GIÁ THÀNH KẾ HOẠCH] --> B(Thời điểm tính?); A --> C(Căn cứ tính?); A --> D(Tác dụng?);
```

Thời điểm tính?

Căn cứ tính?

Tác dụng?

GIÁ THÀNH ĐỊNH MỨC

```
graph TD; A[GIÁ THÀNH ĐỊNH MỨC] --> B(Thời điểm tính?); A --> C(Căn cứ tính?); A --> D(Tác dụng?);
```

Thời điểm tính?

Căn cứ tính?

Tác dụng?

GIÁ THÀNH THỰC TẾ

```
graph TD; A[GIÁ THÀNH THỰC TẾ] --> B[Thời điểm tính?]; A --> C[Căn cứ tính?]; A --> D[Tác dụng?];
```

Thời điểm tính?

Căn cứ tính?

Tác dụng?

KẾT THÚC CHƯƠNG 2

